

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THPT CHUYÊN THÁI BÌNH**

**ĐỀ THI KHẢO SÁT LẦN III
MÔN ĐỊA LÍ 12, NĂM HỌC 2016 – 2017**

Thời gian làm bài: 50 phút

(Không kể thời gian giao đề)

Mã đề thi 132

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam của Nhà xuất bản Giáo dục từ năm 2009 trở lại đây

Câu 1. Vị trí nào sau đây thuận lợi nhất cho nước ta thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế

- A. nằm trong khu vực kinh tế phát triển năng động bậc nhất của thế giới (ASEAN, APEC)
- B. nằm ở khu trung tâm Đông Nam Á, nơi giao thoa nhiều nền văn hóa
- C. nằm ở ngã tư tuyến đường hàng hải và hàng không quốc tế
- D. nằm ở rìa phía đông của bán đảo Đông Dương, gần trung tâm Đông Nam Á

Câu 2. Diện tích đất dành cho sản xuất nông nghiệp nước ta hiện nay (2005) khoảng

- A. hơn 10 triệu ha
- B. 15,6 triệu ha
- C. trên 5,6 triệu ha
- D. 9,4 triệu ha

Câu 3. Nhân tố chính nào sau đây tạo cho thiên nhiên nước ta phân hoá Bắc Nam

- A. biển và đại dương tương tác với địa hình và gió mùa đông bắc
- B. lãnh thổ kéo dài, tác động của gió tín phong đông bắc và gió mùa Tây Nam
- C. lãnh thổ kéo dài có nhiều dãy núi đâm ngang ra biển chắn gió mùa
- D. gió mùa đông bắc lạnh và lãnh thổ kéo dài theo chiều bắc nam trên nhiều vĩ độ

Câu 4. Bão xuất hiện ở nước ta nhiều nhất vào tháng nào

- A. tháng 9, tháng 8, tháng 10
- B. tháng 5, tháng 7, tháng 8
- C. tháng 10, tháng 11, tháng 8
- D. tháng 6, tháng 7, tháng 8

Câu 5. Biện pháp hữu hiệu bảo vệ đa dạng sinh học ở nước ta hiện nay

- A. phát triển, bảo vệ các diện tích rừng nguyên sinh, ban hành, hoàn thiện luật đa dạng sinh học

- B. ngăn chặn nạn khai thác, săn bắn bừa bãi động vật quý hiếm, kết hợp tuyên truyền giáo dục người dân
- C. kiểm soát chặt chẽ các hoạt động sản xuất dễ gây hại tới đa dạng sinh học
- D. tất cả các phương án trên

Câu 6. Điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt nào sau đây ở nước ta có ảnh hưởng mạnh nhất đến hoạt động chăn nuôi trong nước

- A. bão xảy ra hàng năm
- B. lũ lụt ngày càng nghiêm trọng
- C. hạn hán gay gắt
- D. dịch bệnh dễ phát sinh

Câu 7. Loại đất tiêu biểu của thiên nhiên nhiệt đới gió mùa ở nước ta

- A. đất feralit ở vùng đồi núi thấp
- B. đất feralit ở vùng núi cao
- C. đất mặn và phèn ven biển
- D. đất phù sa ở đồng bằng

Câu 8. Đầu tư tốt về cơ sở vật chất kĩ thuật cho ngành thủy sản sẽ giúp

- A. hiện đại hoá cả khâu đánh bắt và nuôi trồng
- B. tăng nhanh giá trị sản xuất của ngành
- C. mở rộng thị trường tiêu thụ
- D. mở rộng quy mô khai thác nuôi trồng

Câu 9. Nhận định nào sau đây không đúng với đặc điểm khí hậu Việt Nam

- A. Khí hậu mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa
- B. Khí hậu phân hoá đa dạng theo không gian trên lãnh thổ
- C. Khí hậu mang tính chất nhiệt đới lục địa khắc nghiệt
- D. Khí hậu mang tính chất hải dương

Câu 10. Trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt nước ta hiện nay, tỉ trọng chiếm cao nhất thuộc về ngành

- A. rau màu thực phẩm
- B. cây ăn quả
- C. sản xuất cây lương thực
- D. cây công nghiệp

Câu 11. Gió mùa mùa hạ gây mưa lớn vào đầu mùa hạ cho khu vực nào sau đây

- A. đồng bằng ven biển miền Trung
- B. vùng đồng bằng Bắc Bộ
- C. Tây Nguyên và Nam Bộ
- D. vùng Đông Bắc

Câu 12. Các thiên tai nào sau đây thuộc nhóm thiên tai ven biển nước ta

- A. bão gió, lũ ống, lũ quét, hạn hán, gió phơn khô nóng
- B. sạt lở địa hình, sương giá, mưa đá, giông tố lốc xoáy
- C. bão gió, cát bay, cát chảy, sạt lở biển, sóng lớn, triều cường
- D. Tất cả các phương án trên

Câu 13. Dựa vào Atlas địa lí hãy cho biết đô thị nào sau đây có quy mô dân số dưới 1 triệu dân

- A. Hà Nội
- B. Hải Phòng
- C. Đà Nẵng
- D. T.p Hồ Chí Minh

Câu 14. Năng suất lúa bình quân năm/ha ở nước ta trong những năm qua tăng mạnh chủ yếu là nhờ:

- A. giống mới, kĩ thuật canh tác tiên tiến
- B. đầu tư cho thủy lợi, phân bón
- C. chăm sóc tốt và khí hậu thuận lợi
- D. chính sách đổi mới trong nông nghiệp

Câu 15. Gió mùa mùa đông hoạt động trên lãnh thổ nước ta có đặc điểm gì

- A. nửa đầu mùa đông các khối khí có tính chất lạnh ẩm
- B. nửa đầu mùa đông các khối khí có tính chất lạnh khô
- C. hoạt động rất ổn định hàng năm
- D. hướng gió chủ yếu theo hướng Tây Bắc

Câu 16. Đồng bằng có khả năng sản xuất lúa lớn nhất nước ta hiện nay là

- A. đồng bằng ven biển miền Trung
- B. đồng bằng sông Hồng
- C. đồng bằng sông Cửu Long
- D. đồng bằng ở miền núi, cao nguyên

Câu 17. Nhận định nào sau đây đúng với đặc điểm địa hình vùng Đông Nam Bộ

- A. địa hình của vùng Đông Nam Bộ chủ yếu là dạng địa hình đồi trung du
- B. địa hình của vùng Đông Nam Bộ chủ yếu là dạng địa hình đồng bằng
- C. địa hình của vùng Đông Nam Bộ chủ yếu là dạng địa hình bán bình nguyên
- D. địa hình của vùng Đông Nam Bộ chủ yếu là dạng địa hình đồi núi

Câu 18. Địa hình vùng núi Đông Bắc có đặc điểm nổi bật nào sau đây

- A. gồm 5 cánh cung: sông Chảy, sông Gâm, Ngâm Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều
- B. phân hoá thành ba dải địa hình chạy theo hướng tây bắc – đông nam
- C. gồm nhiều dãy núi chạy song song và so le theo hướng Tây Bắc – Đông Nam
- D. nối liền 4 cánh cung gồm: sông Gâm, Ngâm Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều

Câu 19. Các nguồn thức ăn nào dưới đây đáp ứng tốt nhất cho chăn nuôi theo phương pháp công nghiệp ở nước ta

- A. thức ăn chế biến
- B. phụ phẩm công nghiệp chế biến thực phẩm
- C. các sản phẩm ngành trồng trọt
- D. đồng cỏ tự nhiên

Câu 20. Dựa vào Atlat địa lí hãy cho biết cây bông vải phân bố nhiều ở những tỉnh nào sau đây

- A. Ninh Thuận, Khánh Hoà
- B. Đồng Nai, Tây Ninh
- C. Kom Tum, Hoà Bình
- D. Bình Thuận, Gia Lai

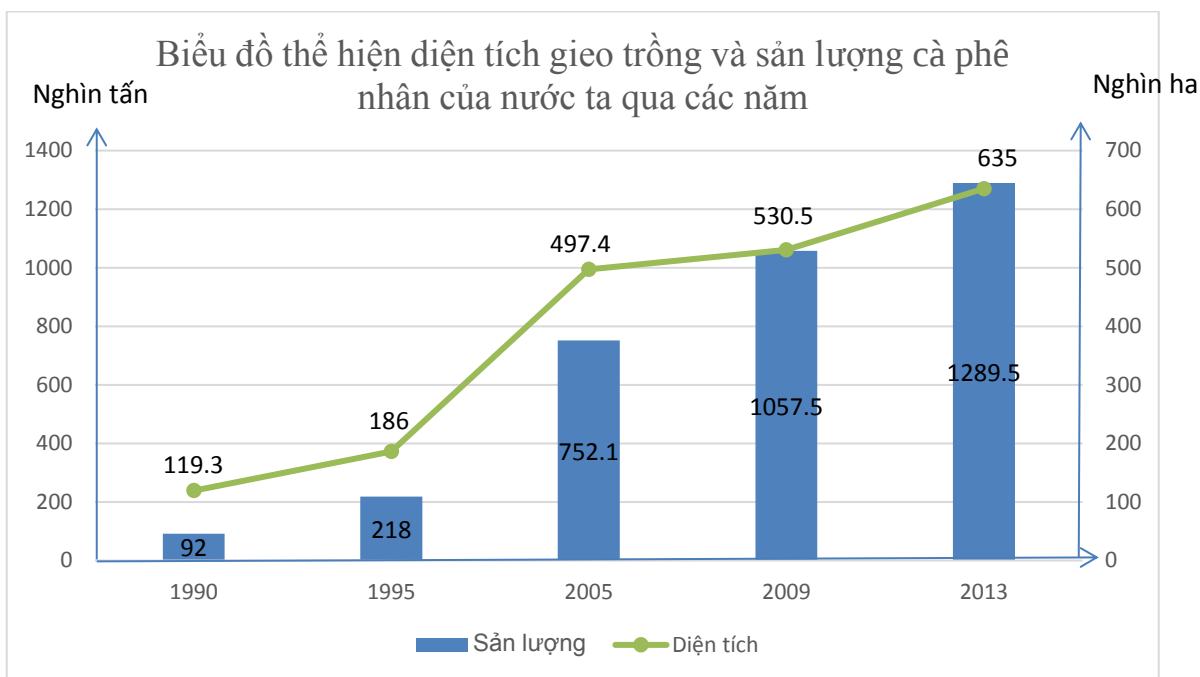
Câu 21. Nước ta hiện nay là nước xuất khẩu gạo thứ mấy

- A. thứ 2 thế giới
- B. thứ 3 khu vực
- C. thứ 4 thế giới
- D. thứ 1 thế giới

Câu 22. Sản lượng thủy sản khai thác ở nước ta những năm gần đây tăng chậm lại và không ổn định nguyên nhân chính do

- A. Đảng và nhà nước ta không đầu tư nhiều cho hoạt động khai thác
- B. sản lượng thủy sản khai thác đã cạn kiệt và ô nhiễm môi trường biển gia tăng
- C. nguồn lợi thủy sản ven bờ suy giảm mạnh, khai thác xa bờ còn hạn chế
- D. tranh chấp lãnh thổ trên biển gây trở ngại cho hoạt động khai thác

Câu 23. Cho biểu đồ



Nhận định nào sau đây đúng với biểu đồ trên

- A. Mức tăng sản lượng cà phê nhân từ năm 1990 đến 2003 nhanh hơn diện tích gieo trồng
- B. Mức độ tăng diện tích và sản lượng cà phê qua thời kì đều nhanh bằng nhau
- C. Qua các năm diện tích gieo trồng cà phê tăng nhanh hơn cả sản lượng
- D. Diện tích gieo trồng và sản lượng cà phê có nhiều biến động bất thường

Câu 24. Cho bảng số liệu

Sản lượng lúa theo mùa vụ ở nước ta qua các năm. Đơn vị: nghìn tấn

Năm	Lúa đông xuân	Lúa hè thu	Lúa mùa
2005	17331,6	10436,2	8065,1
2007	17024,1	101140,8	8777,8
2009	18695,8	11212,2	9042,2
2011	19778,3	13402,9	9217,3
2013	20069,7	14623,4	9613,5

Dựa trên bảng số liệu nói trên cho biết về biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu sản lượng lúa theo mùa vụ ở nước ta qua các năm là biểu đồ nào sau đây

- A. biểu đồ tròn
- B. biểu đồ đường

C. biểu đồ miền

D. biểu đồ cột

Câu 25. Khía cạnh nào sau đây không phải là nguyên nhân chính để đẩy mạnh hoạt động đánh bắt xa bờ ở nước ta

A. tăng cường khả năng quốc phòng an ninh

B. tạo nhiều việc làm có thu nhập cao cho ngư dân

C. khai thác tốt hơn nguồn lợi thủy sản ngoài khơi

D. tăng sức cạnh tranh của ngành với các ngành khác

Câu 26. Diện tích gieo trồng lúa cả nước ta từ 2005 đến 2007 khoảng

A. 4,5 đến 6 triệu ha

B. 8,5 đến 10 triệu ha

C. 7,3 triệu ha đến 7,2 triệu ha

D. 6,5 triệu ha đến 7 triệu ha

Câu 27. Vùng biển đặc quyền kinh tế của Việt Nam là

A. nước ta có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế, an ninh, quốc phòng các nước khác không được tự do đi lại, tàu thuyền, máy bay đi lại phải xin phép

B. nước ta có chủ quyền hoàn toàn về khai thác tài nguyên mà các nước phải tôn trọng, không được can thiệp

C. nước ta có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế nhưng các nước khác được đặt ống dẫn dầu

D. là chủ quyền lãnh thổ quốc gia trên biển

Câu 28. Hệ tọa độ địa lí trên biển nước ta là

A. vĩ độ kéo dài đến $6^{\circ}30'$ Bắc, kinh độ mở rộng ra từ 101° Đông đến $117^{\circ}17'$ Đông

B. vĩ độ kéo dài đến $6^{\circ}20'$ Bắc, kinh độ mở rộng ra từ $101^{\circ}20'$ Đông đến $117^{\circ}10'$ Đông

C. vĩ độ kéo dài đến $6^{\circ}50'$ Nam, kinh độ mở rộng ra từ 101° Đông đến $117^{\circ}20'$ Đông

D. vĩ độ kéo dài đến $6^{\circ}50'$ Bắc, kinh độ mở rộng ra từ 101° Đông đến $117^{\circ}20'$ Đông

Câu 29. Cho bảng số liệu

Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng ở nước ta qua các năm. Đơn vị: nghìn tấn

Năm	1990	1995	2000	2005	2007	2013
Khai thác	728,5	1195,3	1660,9	2987,9	2074,5	2803,8
Nuôi trồng	162,1	389,1	589,6	1487,0	2123,3	3215,9

Nhận định nào sau đây đúng nhất với bảng số liệu

- A. cả sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng qua các năm đều tăng
- B. cả sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng đều tăng nhanh, nhưng tốc độ tăng sản lượng thủy sản nuôi trồng nhanh hơn
- C. sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn hơn sản lượng thủy sản khai thác
- D. sản lượng thủy sản khai thác và sản lượng nuôi trồng qua các năm đều không ổn định

Câu 30. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam hãy cho biết đất phèn phân bố nhiều nhất ở vùng nào sau đây

- A. Đồng bằng sông Cửu Long
- B. Đồng bằng sông Hồng
- C. Đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ
- D. Đồng bằng Duyên hải Nam Trung Bộ

Câu 31. Vùng núi cao nhất nước ta là

- A. vùng núi Trường Sơn Nam
- B. vùng núi Đông Bắc
- C. vùng núi Trường Sơn Bắc
- D. vùng núi Tây Bắc

Câu 32. Ý nghĩa lớn nhất về xã hội đối với phát triển cây công nghiệp ở các vùng miền núi nước ta là

- A. tăng thu nhập cho người dân, phân bố lại dân cư giữa các vùng lãnh thổ trong cả nước
- B. cung cấp nông sản có giá trị cho đời sống dân cư trong nước và xuất khẩu ra thị trường thế giới
- C. thu hút vốn dân cư từ đồng bằng lên sinh sống hoạt động sản xuất, nâng cao chất lượng lao động trong vùng
- D. tạo việc làm, tăng thu nhập, thay đổi tập quán sản xuất lạc hậu cho người dân, nhất là bộ phận bà con dân tộc thiểu số

Câu 33. Ngành chăn nuôi nước ta những năm qua phát triển mạnh được chủ yếu là nhờ

- A. điều kiện tự nhiên thuận lợi, đời sống người dân trong nước nâng cao
- B. cơ sở thức ăn ngày càng đảm bảo, cơ sở vật chất kĩ thuật cải thiện
- C. thị trường nhu cầu tăng cao, nguồn lao động dồi dào
- D. chính sách quan tâm của Đảng và nhà nước

Câu 34. Năng suất lúa bình quân năm ở nước ta khoảng

- A. 75 tạ/ha

- B. 42 tạ/ha
C. 30 tạ/ha
D. 49 tạ/ha

Câu 35. Cho bảng số liệu

Tỉ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi lao động của khu vực thành thị nước ta và một số vùng lãnh thổ. Đơn vị %

Năm	2005	2009	2013
Cả nước	5,31	4,60	3,59
Đồng bằng Sông Hồng	5,61	4,59	5,13
Đông Nam Bộ	5,62	4,54	3,34
Tây Nguyên	4,23	3,05	2,07

Nhận định nào sau đây không đúng với thực trạng thất nghiệp ở nước ta qua bản số liệu nói trên

- A. đồng bằng sông Hồng luôn có tỉ lệ thất nghiệp cao hơn mức trung bình cả nước
B. tỉ lệ thất nghiệp của vùng Tây Nguyên thấp nhất so với các vùng, thấp hơn trung bình cả nước
C. Năm 2013 Đông Nam Bộ và Tây Nguyên đều có tỉ lệ thất nghiệp thấp hơn trung bình cả nước
D. tỉ lệ thất nghiệp của các vùng qua các năm có xu hướng giảm

Câu 36. Nhân tố tạo động lực chính cho sự phát triển ngành thủy sản nước ta những năm gần đây là

- A. có vùng biển lớn, nhiều diện tích mặt nước sông, hồ, ao, đầm phá
B. thị trường đầu ra cho các sản phẩm tốt, tiến bộ khoa học kĩ thuật áp dụng
C. cơ sở vật chất có nhiều cải thiện, nhu cầu người dân trong nước tăng cao
D. khí hậu thuận lợi cho tổ chức khai thác nuôi trồng thủy sản

Câu 37. Khó khăn lớn nhất ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của ngành thủy sản nước ta là

- A. thiếu vốn
B. thị trường tiêu thụ sản phẩm thu hẹp
C. ô nhiễm môi trường nước và cạn kiệt nguồn lợi thủy sản nước ta
D. thiên tai bão gió ngày càng khắc nghiệt

Câu 38. Nhận định nào sau đây đúng với hiện trạng phát triển thủy sản nước ta

- A. hoạt động thủy sản không phát triển cả trong lĩnh vực khai thác và nuôi trồng
B. đẩy mạnh theo hướng chuyên môn hoá và đa dạng hoá đối tượng, gắn với nhu cầu thị trường

- C. sản lượng thủy sản nuôi trồng ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu sản xuất
D. sản lượng thủy sản hàng năm tăng chủ yếu nhờ đánh bắt xa bờ

Câu 39. Sản lượng lúa gạo xuất khẩu bình quân năm nước ta khoảng

- A. 2 đến 3 triệu tấn
B. 3 đến 4 triệu tấn
C. 1 đến 2 triệu tấn/năm
D. 7 đến 8 triệu tấn

Câu 40. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam hãy cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản khai thác lớn nhất cả nước

- A. Cà Mau
B. Kiên Giang
C. Bình Định
D. Bình Thuận

HẾT